CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Viễn thông - Tin học Bưu điện

Ngày 30/09/2025	18,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	39.1%	**49.8%**	**44.5%**

DT thuần
Q3/25
705
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 418| 146%
YoY: ▲ 219| 45.1%

LN thuần
Q3/25
-7.34
tỷ VNĐ
QoQ: ▼14.6| -201%
YoY: ▼9.08| -522%

LN sau thuế
Q3/25
1.76
tỷ VNĐ
QoQ: ▼11.4| -86.7%
YoY: ▲ 0.12| 7.1%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
0.9%
YoY: +/-▼ 5.4%

ROE (TTM)
Q3/25
5.2%
YoY: +/-▲ 0.0%

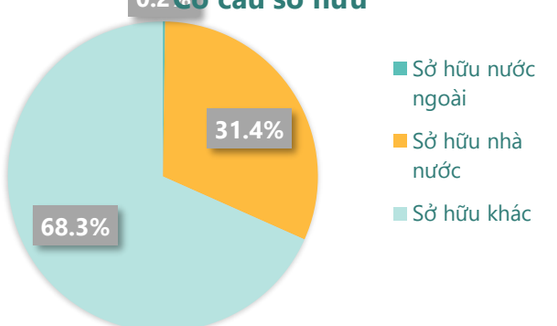
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	10,487 - 19,250
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	595
Số lượng CPLH (CP)	32,185,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	165,975
Sở hữu nước ngoài	0.2%
Beta	0.94
EPS	1,034
P/E	17.9

DT thuần
9T 2025
1,181
tỷ VNĐ
YoY: ▼94.0| -7.4%

LN thuần
9T 2025
4.82
tỷ VNĐ
YoY: ▼21.6| -81.8%

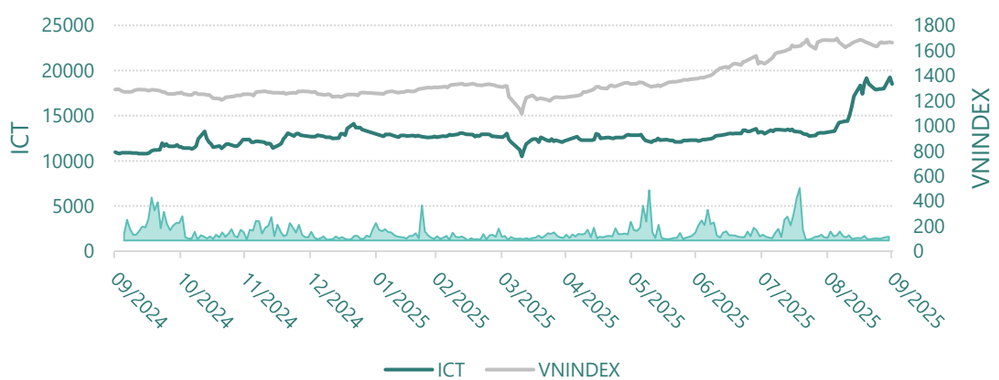
LN sau thuế
9T 2025
19.6
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.20| 6.7%

Cơ cấu sở hữu

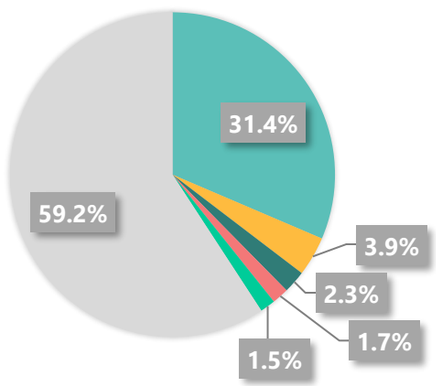


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

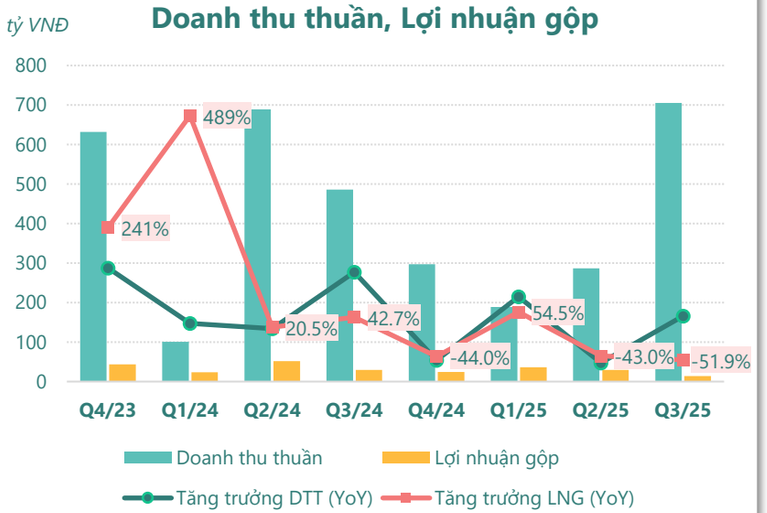


- Tập Đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam
- Đặng Anh Dũng
- Nguyễn Trí Dũng
- Tô Hoài Văn (Phó Chủ tịch HĐQT)
- Hoàng Anh Lộc (Chủ tịch HĐQT)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

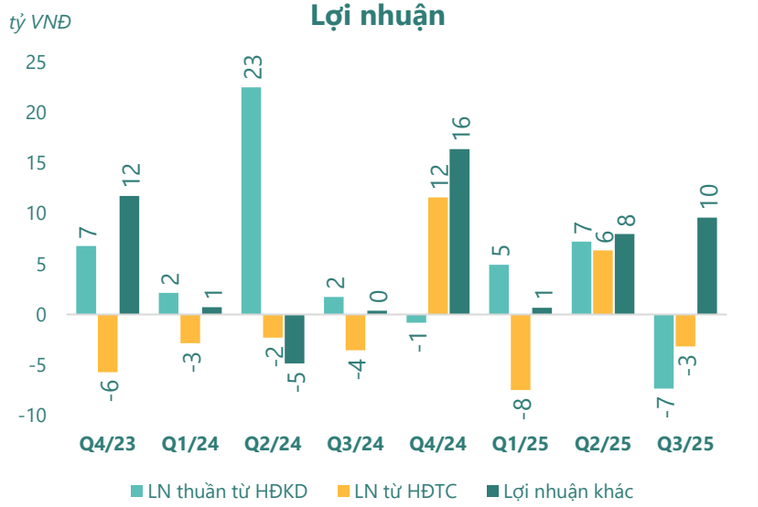
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



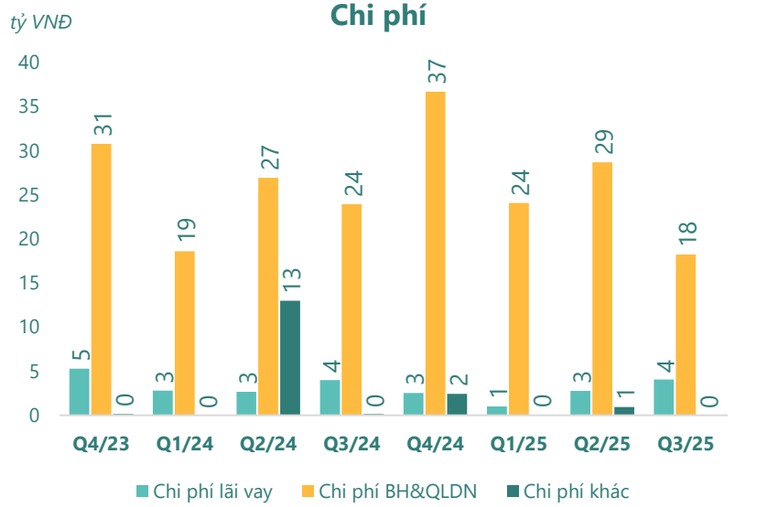
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



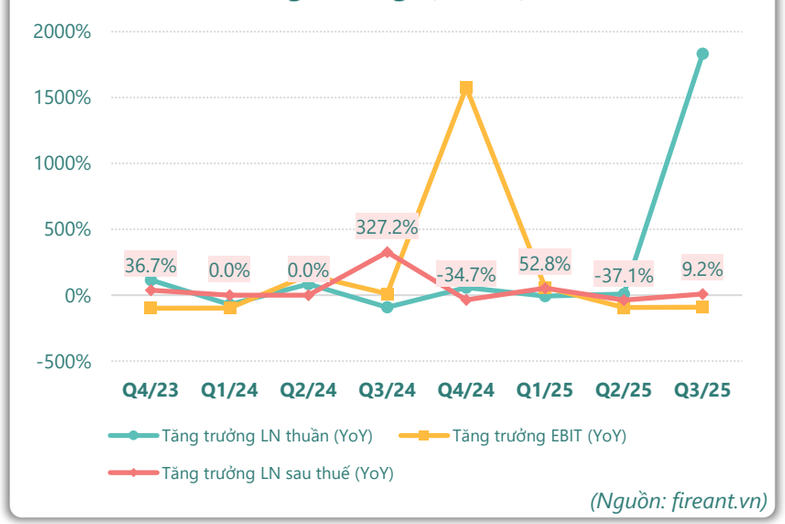
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



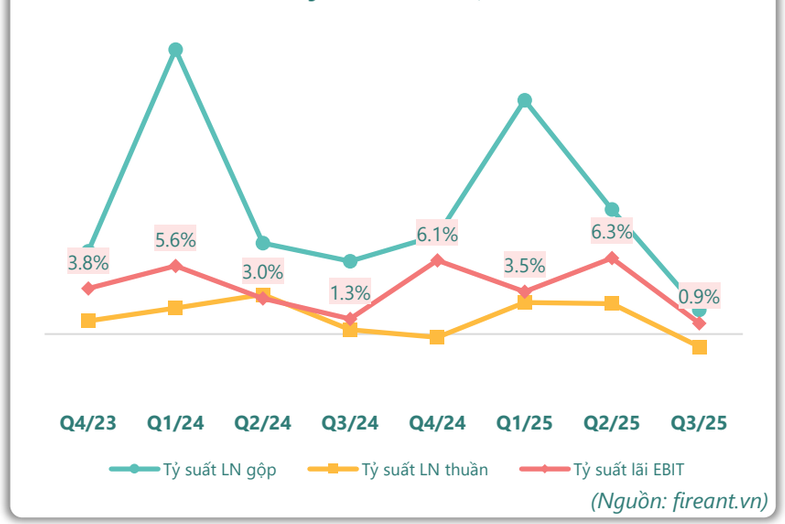
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



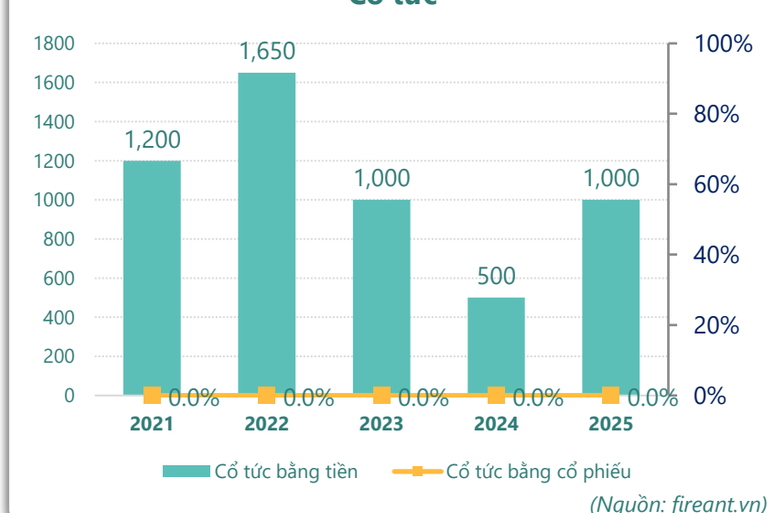
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

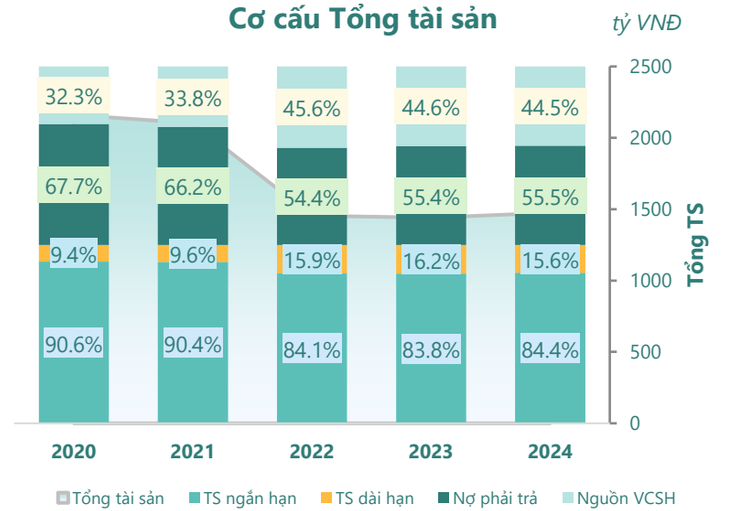
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

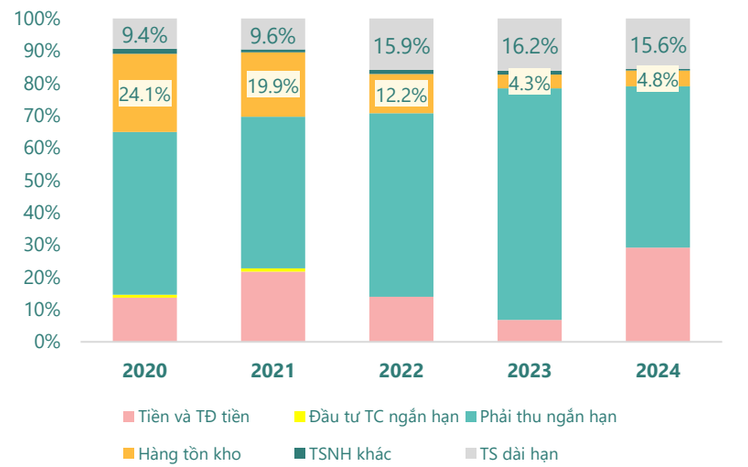
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



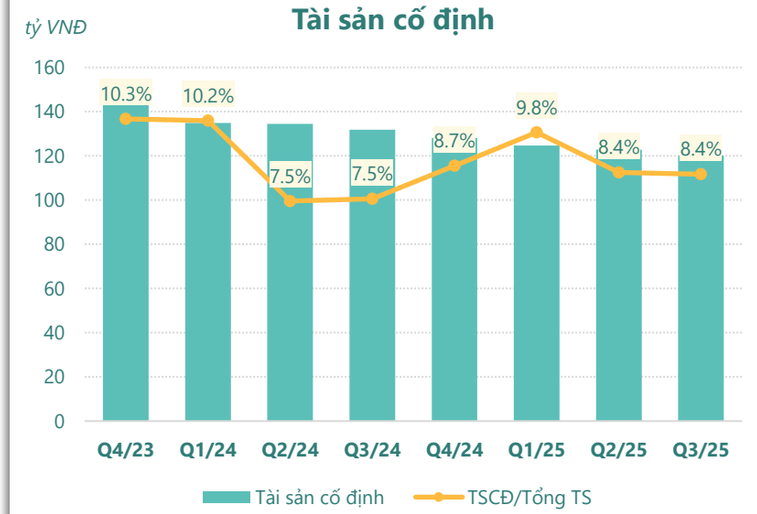
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



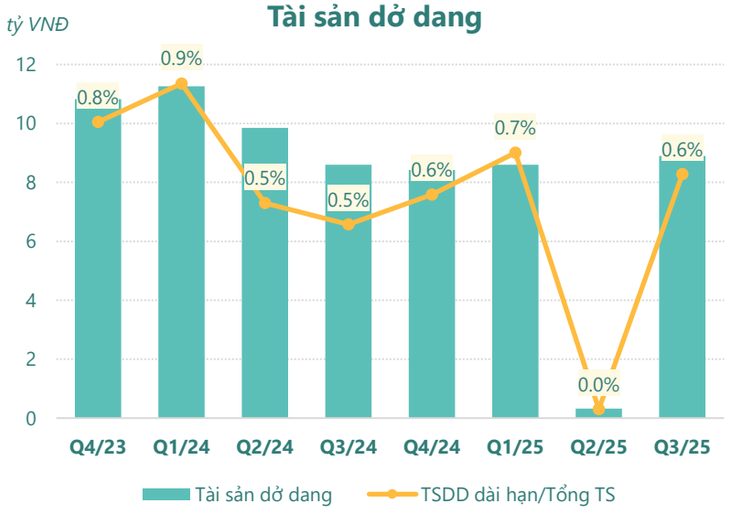
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



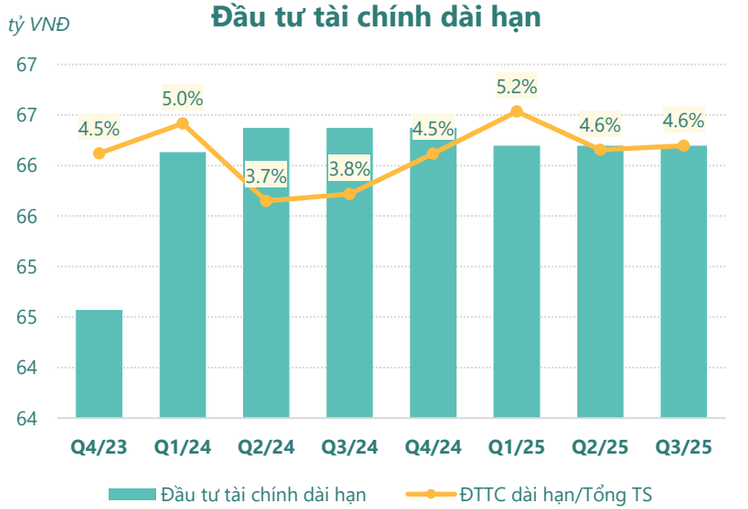
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



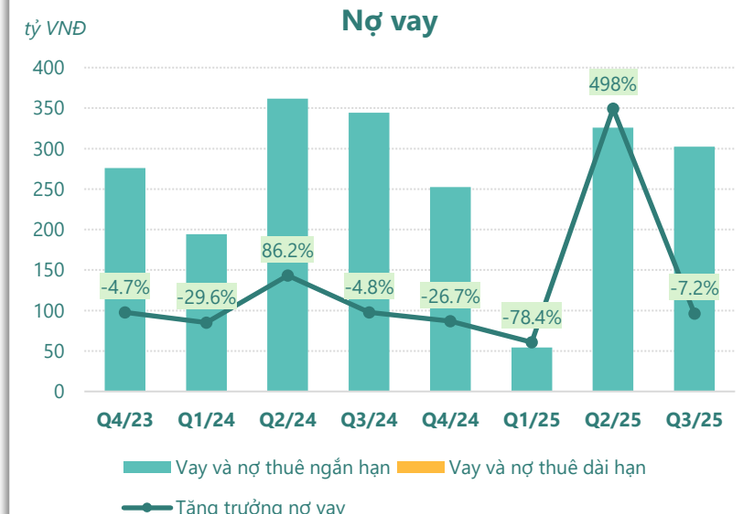
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

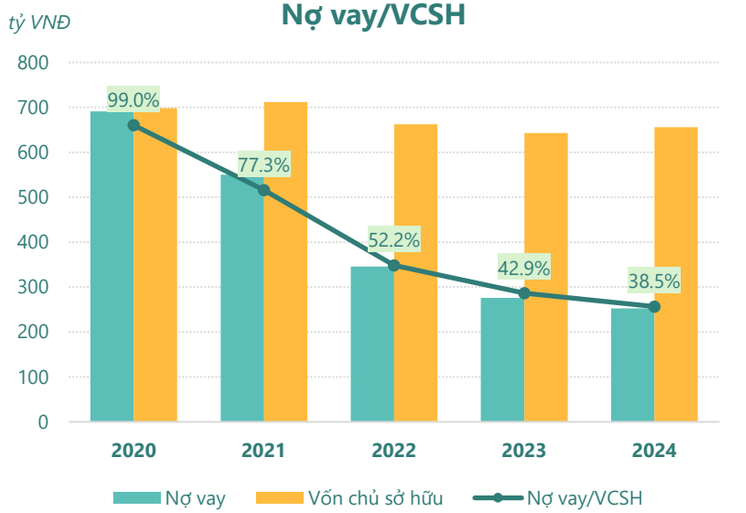
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

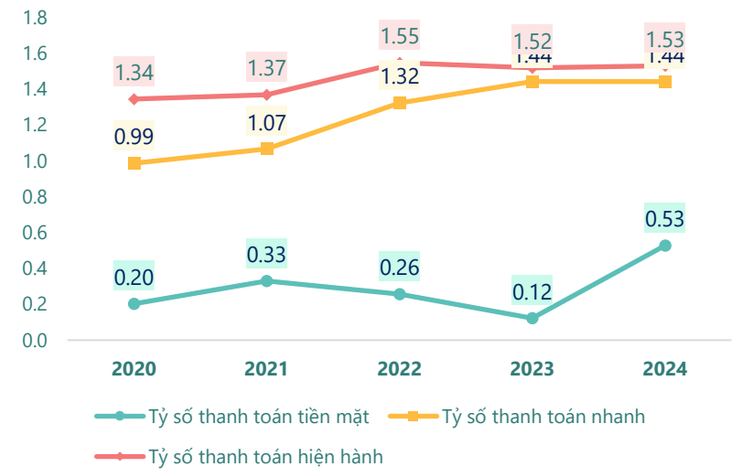
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



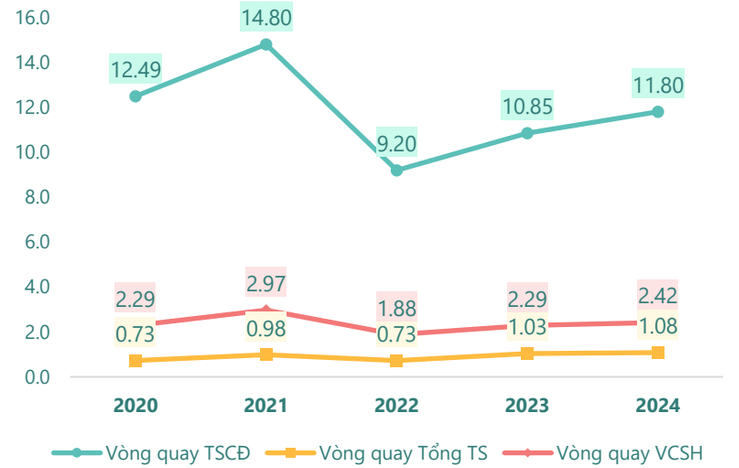
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



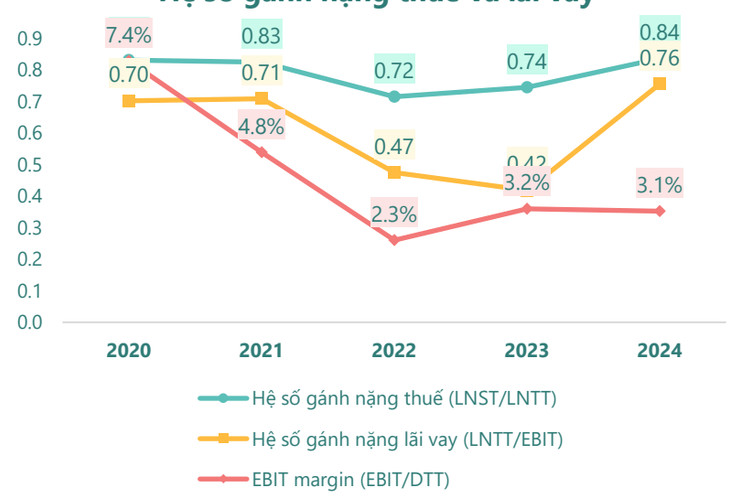
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



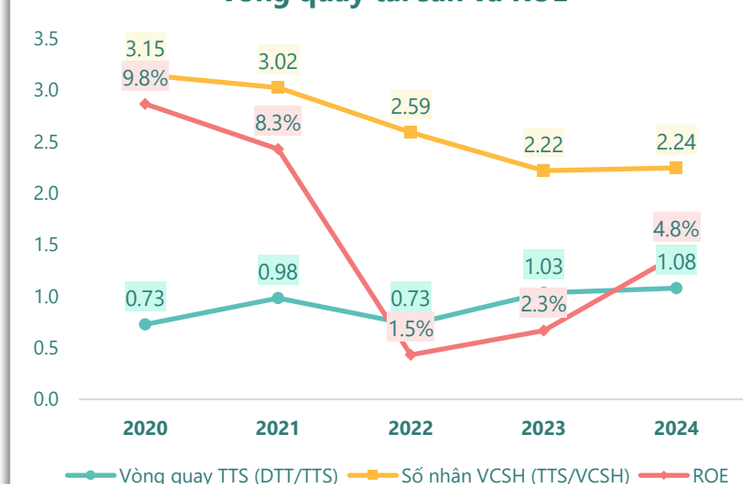
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



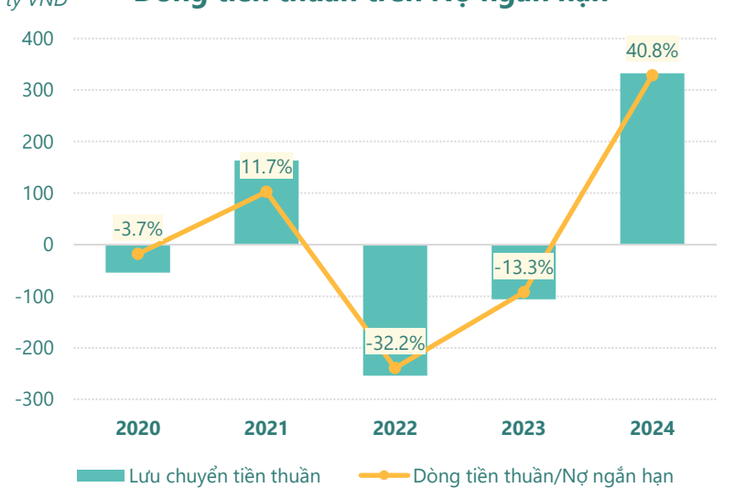
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**705**	**486**	**45.1%**	**1,181**	**1,275**	**-7.4%**
Giá vốn hàng bán	691	457	51.3%	1,100	1,171	-6.0%
Lợi nhuận gộp	14.1	29.3	-52.0%	80.1	105	-23.5%
Doanh thu HĐTC	2.10	1.52	37.9%	10.8	5.98	80.7%
Chi phí TC	5.26	5.08	3.5%	15.1	14.7	2.8%
Chi phí lãi vay	4.07	4.00	1.7%	7.86	9.44	-16.8%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	11.0	12.5	-12.3%	38.5	36.8	4.4%
Chi phí QLDN	**7.28**	**11.5**	**-36.7%**	**32.5**	**32.7**	**-0.4%**
LN thuần từ HĐKD	-7.34	1.74	-522%	4.82	26.4	-81.8%
Lợi nhuận khác	**9.61**	**0.37**	**2496%**	**18.2**	**-3.75**	**587%**
LN trước thuế	2.27	2.11	7.5%	23.1	22.7	1.7%
Lợi nhuận sau thuế	**1.76**	**1.64**	**7.1%**	**19.6**	**18.4**	**6.7%**
LNST của CĐ cty mẹ	**1.76**	**1.64**	**7.1%**	**19.6**	**18.4**	**6.7%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-164	158	239	149	-293	25.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.05	-0.30	1.63	3.95	11.0	-8.07
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	167	-33.2	-92.1	-198	239	-23.5
Tiền đầu kỳ	154	157	282	430	384	342
Lưu chuyển tiền thuần	**3.78**	**124**	**148**	**-45.2**	**-42.5**	**-6.24**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0.01	0
Tiền cuối kỳ	157	282	430	384	342	336

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,432**	**1,475**	**-2.9%**
Tài sản ngắn hạn	1,211	1,245	-2.7%
Tiền và tương đương tiền	336	430	-21.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	650	736	-11.8%
Hàng tồn kho	202	71.4	183%
Tài sản ngắn hạn khác	23.3	7.19	224%
Tài sản dài hạn	**221**	**231**	**-4.1%**
Phải thu dài hạn	1.55	1.55	0.0%
Tài sản cố định	120	128	-6.3%
Bất động sản đầu tư	8.69	9.21	-5.7%
Tài sản dở dang	8.89	8.41	5.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	66.2	66.4	-0.3%
Tài sản dài hạn khác	**15.9**	**17.0**	**-6.8%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	793	819	-3.2%
Nợ ngắn hạn	**786**	**814**	**-3.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	302	253	19.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	295	402	-26.6%
Nợ dài hạn	7.05	5.46	29.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**640**	**656**	**-2.5%**
Vốn chủ sở hữu	**640**	**656**	**-2.5%**
Vốn điều lệ	322	322	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)